TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2023
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Mấy
2. Bà Vi Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu 2, TT Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 2, TT Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngô Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị V đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 1992, cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau đó hai người chung sống tại xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, đến năm 2008 vợ chồng chung sống tại khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát cho đến nay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm. Đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tìm

được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh, chị đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Lê Thị V là vợ chồng, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 02 con chung, con thứ nhất là Ngô Văn H, sinh năm 1993 hiện đã có gia đình và ra ở riêng; con thứ hai là Ngô Văn S, sinh năm 2003, đã đủ 18 tuổi và trưởng thành. Nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện nộp án phí theo quy định.

Tại Bản tự khai ngày 14/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị V trình bày:

Về Hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn B đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nay anh Ngô Văn B xin ly hôn thì tôi đồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có 02 con chung như anh Ngô Văn B trình bày, con thứ nhất sinh năm 1993 hiện đã có gia đình, cháu thứ hai sinh năm 2003, đã đủ 18 tuổi và trưởng thành. Nên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định cảu pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, chị Lê Thị V đang có hộ khẩu thường trú tại: Khu 2, TT Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, chị chưa chuyển khẩu hay tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh Ngô Văn B là nguyên đơn, chị Lê Thị V là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ghi lời khai; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tống đạt đầy đủ, đúng thời gian

các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án;

Tại phiên tòa, anh Ngô Văn B đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

[4] Về Hôn nhân: Anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1992, theo phong tục tập quán địa phương, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết". Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng".

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*.

Vì vậy, anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: Tại khoản 1 Điều 14 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....."*

Khoản 2 Điều 53 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…."*

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa anh Ngô Văn Bắc và chị Lê Thị Vạn phải được giải quyết bằng bản án và tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

[5] Về nuôi con chung: Xét thấy khi chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V có 02 con chung, con thứ nhất là Ngô Văn H, sinh năm 1993 hiện đã có gia đình và ra ở riêng; con thứ hai là Ngô Văn S, sinh năm 2003, đã đủ 18 tuổi và trưởng thành, nên HĐXX không xem xét

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Ngô Văn B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V Vạn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn B.

1.1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Ngô Văn B và chị Lê Thị V.

1.2. Về nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, không xem xét.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không xét.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Ngô Văn B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013883 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, Vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND thị trấn Mường Lát, H. Mường Lát;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng